

*
Số 256-BC/ĐU

BÁO CÁO
Kết quả thi hành điều lệ Đảng

*** ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH**

Phường Phổ Hoà nằm ở phía Nam trung tâm thị xã Đức Phồ.

- Phía Bắc giáp phường Nguyễn Nghiêm.
- Phía Đông giáp phường Phổ Vinh.
- Phía Tây giáp xã Ba Trang, huyện Ba Tơ.
- Phía Nam giáp xã Phổ Cường.

Diện tích tự nhiên 1.626,57 ha, có 1206 hộ và 4.561 nhân khẩu, có 02 cơ quan Nhà nước, 02 trường học, 01 Hợp tác xã nông nghiệp. Được phân chia thành 04 Tổ dân phố (*Hiển Văn, Nho Lâm, Hòa Thạnh, An Thường*).

- Đảng bộ phường Phổ Hoà hiện nay có 08 chi bộ trực thuộc: 04 chi bộ Tổ dân phố, 02 chi bộ trường, 01 chi bộ Quân sự và 01 Chi bộ Công an.

- Tổng số đảng viên của Đảng bộ có 128 đồng chí (*trong đó đảng viên chính thức 121 đồng chí, dự bị 07 đồng chí*), miễn sinh hoạt 06 đồng chí, tạm miễn sinh hoạt 06 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ có 11 đồng chí, Ban Thường vụ có 03 đồng chí.

I. KẾT QUẢ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG (TỪ NĂM 2011 ĐẾN NAY)

1. Công tác phổ biến, nghiên cứu, quán triệt Điều lệ, quy định và hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng:

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI thông qua ngày 19/01/2011. Căn cứ hướng dẫn của Đảng cấp trên Đảng uỷ đã xây dựng kế hoạch mở hội nghị học tập, quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Điều lệ Đảng (*bổ sung, sửa đổi*) cho tất cả đảng viên trong Đảng bộ để đảng viên biết, nắm vững, thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng. Việc học tập, quán triệt Điều lệ Đảng được tổ chức theo đúng kế hoạch hướng dẫn cấp trên; tỉ lệ đảng uỷ viên và đảng viên tham gia học tập đạt trên 92%, Đồng thời trong các cuộc hội nghị, sơ kết, tổng kết

công tác đảng việc thi hành Điều lệ Đảng luôn được quan tâm nhắc nhở và yêu cầu mỗi đảng viên phải tự học tập, nghiên cứu để không vi phạm điều lệ.

2. Việc ban hành các văn bản cụ thể hóa các nội dung trong quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng (nếu có): Đánh giá những mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

Ngay sau khi triển khai, quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Đảng ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và ban hành các văn bản cụ thể hoá Điều lệ Đảng để thực hiện đồng thời ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy phù hợp với quy định của Điều lệ Đảng.

Tuy đã quán triệt và thường xuyên nhắc nhở nhưng Đảng bộ phường vẫn còn có đảng viên thực hiện chưa nghiêm túc Điều lệ Đảng.

3. Kết quả tổ chức thi hành Điều lệ Đảng

3.1. Đánh giá việc thi hành các nội dung nêu tại phần mở đầu về Đảng và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng.

Qua học tập điều lệ và các quy định của Đảng đại đa số đảng viên trong Đảng bộ đều có nhận thức tốt về vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc lãnh đạo, cầm quyền. Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng xuyên suốt và kim chỉ nam cho Cách mạng Việt Nam.

3.2. Về đảng viên (Chương I)

3.2.1. Kết quả thi hành các quy định về đảng viên

Tính đến ngày 31-3-2023, tổng số đảng viên trong Đảng bộ 128 đồng chí. Trong đó:

- Đảng viên sinh hoạt ở TDP là 87 đồng chí. (chiếm tỉ lệ 68%).
- Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ Quân sự là 12 đồng chí; Chi bộ Công an là 6 đồng chí (chiếm tỉ lệ 14%).
- Đảng viên ở trường học là 23 đồng chí (chiếm tỉ lệ 18%).

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, công tác phát triển đảng viên tiếp tục được quan tâm lãnh đạo thực hiện. Ngay từ đầu nhiệm kỳ và hàng năm Đảng ủy luôn ban hành văn bản chỉ đạo công tác phát triển đảng viên, kết nạp và chuyển đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức xem đây là chỉ tiêu để đánh giá, xếp loại cuối năm.

Từ đầu nhiệm kỳ đến cuối tháng 3-2023, đã kết nạp được 10 đảng viên mới Trong đó:

- Đảng viên ở TDP là 04 đồng chí
- Đảng viên là giáo viên 06 đồng chí

Hàng năm đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ trở lên đạt trên 85% .

Qua thực tế thi hành Điều lệ Đảng, những điểm mới bổ sung cơ bản là phù hợp, tạo thêm động lực phấn đấu cho đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng. Đảng uỷ quan tâm việc bảo đảm thực hiện quyền của đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng trên cơ sở được cụ thể hoá qua quy chế làm việc, giúp cho đảng viên kịp thời nắm bắt những vấn đề về đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các vấn đề về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Đảng viên được thảo luận, tham gia ý kiến, biểu quyết các công việc của Đảng, kể cả nhân sự cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra, theo hướng ngày càng dân chủ và thực chất hơn.

3.2.2. Đánh giá những mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về đảng viên; xác định rõ nguyên nhân

Trong Điều lệ Đảng về tiêu chuẩn của đảng viên; điều kiện để được xét kết nạp vào Đảng là phù hợp với thực tế. Quyền, nhiệm vụ của đảng viên cũng được quy định rõ ràng. Thủ tục, quy trình, thẩm quyền kết nạp đảng viên, thời gian dự bị đối với đảng viên; việc phát, quản lý thẻ đảng viên; quản lý hồ sơ đảng viên; thủ tục chuyển sinh hoạt đảng; giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng cho đảng viên tuổi cao, sức yếu. Chế độ sinh hoạt đảng của đảng viên là phù hợp

3.2.3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về đảng viên và giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

Không

3.3. Về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng (Chương II)

3.3.1. Kết quả thi hành các quy định về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng.

Đảng bộ phường Phổ Hòa hiện nay có 08 chi bộ trực thuộc: 04 chi bộ Tổ dân phố, 02 chi bộ trường, 01 chi bộ Quân sự và 01 Chi bộ Công an. Về cơ cấu tổ chức đảm bảo theo quy định

3.3.2. Đánh giá những mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng

Việc xây dựng quy chế làm việc của Đảng uỷ, chi uỷ được chú ý đổi mới cả về hình thức và nội dung. Tính cụ thể hoá trong các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác; trách nhiệm của tập thể, cá nhân và người đứng đầu các cấp uỷ, tổ chức đảng được xác định rõ. Trong quá trình hoạt động, đã bám sát quy chế làm việc, thường xuyên điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy được vai trò của tập thể và trách nhiệm cá nhân, giải quyết tốt mối quan hệ giữa cấp uỷ với chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội; tạo sự đồng thuận của xã hội. Quy chế bầu cử trong Đảng được Ban Chấp hành Trung ương ban hành với nhiều quy định cụ thể hoá nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động bầu cử được chấp hành nghiêm túc.

Thực hiện nguyên tắc tự phê bình, phê bình trong sinh hoạt đảng, nhất là đợt tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI về xây dựng Đảng, đã có chuyển biến tích cực. Nội dung tự phê bình, phê bình được thực hiện nghiêm túc, thẳng thắn, chân thành, qua đó đã phát huy được ưu điểm, khắc phục những hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm của tập thể và của cán bộ, đảng viên, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng.

3.3.3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về nguyên tắc tổ chức và cơ cấu tổ chức của Đảng, giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

Không

3.4. Cơ quan lãnh đạo của Đảng ở địa phương (Chương IV)

3.4.1. Kết quả thi hành các quy định về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở địa phương

Trong nhiệm kỳ 2020-2025 Ban Chấp hành Đảng bộ có 11 đồng chí, Ban Thường vụ 03 đồng chí. Đồng chí Phó Bí thư trực kiêm chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Có 02 đồng chí là cán bộ thị xã điều về làm Bí thư Đảng ủy

3.4.2. Đánh giá những mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở địa phương

Điều lệ Đảng khoá XI đã bổ sung nội dung về chỉ định cấp uỷ cho các tổ chức đảng ở những nơi mới được thành lập, hợp nhất, sáp nhập giữa nhiệm kỳ và quy định việc xây dựng, bổ sung phương hướng, nhiệm vụ cho các tổ chức đảng này, tạo điều kiện rất thuận lợi cho các tổ chức đảng và cấp uỷ hoạt động liên tục. Qua đó bảo đảm vai trò lãnh đạo, không phải tổ chức đại hội nhiều lần, khắc phục tình trạng thiếu thống nhất về nhiệm kỳ trong hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở là quá phù hợp.

3.4.3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở địa phương và giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

Không

3.5. Về tổ chức cơ sở đảng (Chương V)

3.5.1. Kết quả thi hành các quy định về tổ chức cơ sở đảng

Trong nhiệm kỳ khoá XI, công tác kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ, tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị được triển khai thực hiện tích cực, đồng bộ. Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành các nghị quyết, kết luận; Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều quy định hướng dẫn việc kiện toàn, sắp xếp hệ thống tổ chức đảng hợp lý về tổ chức, phù hợp với Điều lệ Đảng, giữ vững vai trò hạt nhân chính trị, nâng cao chất lượng hoạt động, bảo đảm vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Đảng bộ phường Phố Hòa hiện nay có 08 chi bộ trực thuộc: 04 chi bộ Tổ dân phố, 02 chi bộ trường, 01 chi bộ Quân sự và 01 Chi bộ Công an.

3.5.2. Đánh giá những mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định tổ chức cơ sở đảng; xác định rõ nguyên nhân

Các quy định về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, số lượng cấp ủy viên, chế độ sinh hoạt của chi ủy, chi bộ, đảng ủy, đảng bộ cơ sở; nhiệm kỳ đại hội của chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở là phù hợp.

3.5.3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về tổ chức cơ sở đảng và giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

Không

3.6. Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam (Chương VI)

3.6.1. Kết quả thi hành các quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam

Thực hiện nghiêm túc theo Quy định số 49-QĐ/TW ngày 22/12/2021 của Trung ương và Hướng dẫn số 35; Quy định số 192-QĐ/TW ngày 18/5/2019 của Trung ương

3.6.2. Đánh giá những mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam

Cơ bản các quy định về chi bộ Quân sự và chi bộ Công an ở cơ sở là phù hợp có sự thống nhất lãnh đạo từ Trung ương đến cơ sở. Mọi quan hệ phối hợp giữa Quân sự và Công an cấp trên với Đảng ủy phường có quy định chặt chẽ, xác định rõ trách nhiệm của các bên. Trong công tác kiểm tra, giám sát vừa thể hiện được sự lãnh đạo của đảng cơ sở vừa thể hiện được sự quản lý, thống nhất theo ngành dọc.

3.6.3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam, giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

Nên bổ sung các lực lượng dân quân cơ động, dân quân tại chỗ, lực lượng binh chủng vào sinh hoạt Chi bộ Quân sự.

3.7. Về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp (Chương VII)

3.7.1. Kết quả thi hành các quy định về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp

Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy luôn chú trọng quan tâm, chấp hành nghiêm túc các quy định của Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát. Tạo chuyển biến tích cực, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng ở địa phương. Chất lượng các cuộc kiểm tra, giám sát được nâng lên, đã phát hiện, kiểm tra, làm rõ các dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước. Việc xem xét, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Ủy ban kiểm tra tham mưu cho Đảng ủy và hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, các quy định của Điều lệ Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền trong kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật. Sự phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng, các cơ quan liên quan trong việc thực hiện quy chế làm việc, quy chế phối hợp về công tác kiểm tra, giám sát, công tác xây dựng Đảng ..., đã chủ động, hiệu quả hơn.

Đã tiến hành kiểm tra Chi bộ Quân sự và Chi bộ Công an phường có sự phối hợp chặt chẽ của Ban Chỉ huy Quân sự thị xã và Công an thị xã Đức Phổ.

3.7.2. Đánh giá những mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp; xác định rõ nguyên nhân

Nhờ có các quy định phối hợp nên công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ủy đối với Chi bộ Quân sự và Chi bộ Công an phường thuận lợi, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

3.7.3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và ủy ban kiểm tra các cấp, giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

Không

3.8. Về khen thưởng, kỷ luật (Chương VIII)

3.8.1. Kết quả thi hành các quy định về khen thưởng, kỷ luật như thế nào?

Hàng năm theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương cuối năm Đảng ủy chỉ đạo các chi bộ trực thuộc và Đảng ủy tiến hành kiểm điểm, đánh giá, xếp loại cuối năm. Trung bình mỗi năm có 02 chi bộ và 12 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng bộ khen thưởng. Đồng thời đề nghị Thị ủy khen thưởng cho đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liền. Khi có thành tích đột xuất hoặc mô hình dân vận khéo hiệu quả đều có xem xét, khen thưởng.

3.8.2. Đánh giá những mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về khen thưởng, kỷ luật; xác định rõ nguyên nhân

Công tác thi đua, khen thưởng trong Đảng thời gian qua có nhiều đổi mới, thông qua các quy định, hình thức khen thưởng và việc tổ chức thực hiện. Chất lượng công tác thi đua, khen thưởng được chú trọng hơn trước, khắc phục được tình trạng khen thưởng tràn lan, không đúng người, đúng việc, nặng hình thức

Về thi hành kỷ luật đối với đảng viên giữ chức vụ và đảng viên không giữ chức vụ có cùng mức độ, hành vi vi phạm là hết sức dân chủ trong Đảng. Đồng thời tính thống nhất, đồng bộ giữa kỷ luật Đảng và kỷ luật Nhà nước là hợp lý.

3.8.3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về khen thưởng, kỷ luật và giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

Không

3.9. Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (Chương IX)

3.9.1. Kết quả thi hành các quy định về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội như thế nào.

Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của Điều lệ Đảng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước đổi mới cơ chế, nội dung, phương thức hoạt động, là nhân tố góp phần vào việc thi hành Điều lệ Đảng của các tổ chức đảng và đảng viên được thực hiện nghiêm túc.

Hiện nay 04/04 tổ dân phố đều có chi bộ và chi ủy. Trong đó có 02 chi bộ Phó bí thư kiêm Trưởng ban công tác Mặt trận và Tổ trưởng tổ dân phố.

3.9.2. Đánh giá những mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; xác định rõ nguyên nhân

Việc Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội là phù hợp, thể hiện được sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của Đảng. Trong Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy nội dung này cũng thể hiện và quy định rõ thẩm quyền.

3.9.3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

Không

3.10. Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Chương X)

3.10.1. Kết quả thi hành các quy định về Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh như thế nào?

Đảng ủy, trong quá trình tiến hành thực hiện các bước nhân sự cơ cấu Ban Chấp hành Đảng bộ đều xem xét, quan tâm, quy hoạch, giới thiệu nhân sự Bí thư đoàn phường ứng cử để đại hội bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ. Kết quả nhiệm kỳ 2015-2020 và 2020-2025 đồng chí Bí thư đoàn phường đều trúng cử vào Ban Chấp hành Đảng bộ.

Hàng năm, tháng chương trình công tác của tổ chức Đoàn đều được Đảng ủy xem xét, cho ý kiến và giám sát việc thực hiện, nhất là công tác phát triển đảng viên mới.

Trước khi tổ chức Đại hội hết nhiệm kỳ, Đảng ủy trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng văn kiện và hướng dẫn thực hiện quy trình nhân sự, đảm bảo công tác cán bộ của Đảng.

3.10.2. Đánh giá những mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; xác định rõ nguyên nhân

Đảng ủy đã thực hiện được vai trò lãnh đạo trực tiếp tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ. Tuy nhiên, cán bộ đoàn sau khi hết tuổi Đoàn việc bố trí công tác khác phù hợp gặp nhiều khó khăn.

3.10.3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về Đảng lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn. Nêu rõ lý do kiến nghị, đề xuất từng nội dung, giải pháp?

Đề nghị có cơ chế tăng thêm tuổi Đoàn ở cơ sở vì sau khi hết tuổi Đoàn việc chuyển công tác gặp khó khăn do quy định về số lượng.

3.11. Về tài chính của Đảng (Chương XI)

3.11.1. Kết quả thi hành các quy định về tài chính của Đảng như thế nào?

Đảng ủy nghiêm túc thực hiện các quy định của Đảng về tài chính Đảng như Quyết định số 99-Q Đ/TW ngày 30/5/2012; Hướng dẫn số 03-HD/VPTW ngày 6/7/2016; Hướng dẫn số 56-HD/TW ngày 27/10/2015. Cụ thể:

** Về thu:*

-Đảng viên ở khối Đảng, Chính quyền, Mặt trận-đoàn thể, lực lượng vũ trang: đóng đảng phí hàng tháng bằng 1% tiền lương, các khoản phụ cấp; tiền công; sinh hoạt phí.

- Đảng viên hưởng lương bảo hiểm xã hội: đóng đảng phí hàng tháng bằng 0,5% mức tiền lương bảo hiểm xã hội.

- Đảng viên ở nông thôn: đóng đảng phí hàng tháng bằng từ 2 000 đồng đến 30 000 đồng. Đảng viên hết tuổi lao động đóng 50% đảng viên trong độ tuổi lao động.

** Về chi:*

Chi bộ trực thuộc sau khi thu đảng phí hàng tháng trích lại 30% nộp lên Đảng ủy 70%.

Đảng ủy trích lại 90% nộp lên Thị ủy 10%. Số đảng phí trích để lại Đảng ủy chuyển tài chính cân đối vào nguồn kinh phí hoạt động công tác đảng hàng năm.

** Công tác khen thưởng:*

Thực hiện nghiêm, đúng theo Hướng dẫn số 56-HD/VPTW ngày 27/10/2015 của Văn phòng Trung ương Đảng.

* Chế độ báo cáo:

Thực hiện theo quy định

3.11.2. *Đánh giá những mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về tài chính của Đảng; xác định rõ nguyên nhân*

Đảng viên nộp đảng phí đúng quy định về thời gian và mức đóng đảng phí của đảng viên.

Phần trích lại cho các chi bộ thấp

3.11.3. *Kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thi hành các quy định về tài chính của Đảng và giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn. Nêu rõ lý do kiến nghị, đề xuất từng nội dung, giải pháp?*

Đề xuất tăng thêm tỉ lệ phần trăm đảng phí cho các chi bộ để tạo nguồn lực tài chính cho các chi bộ để hoạt động.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đánh giá chung mặt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân về:

1. Tình hình quán triệt và cụ thể hóa.

Đảng ủy luôn quan tâm chú trọng công tác triển khai, quán triệt, tuyên truyền nhằm giúp cho đảng viên nắm bắt các nội dung quy định của Điều lệ Đảng để nâng cao nhận thức và tự giác chấp hành. Tuy nhiên, vẫn còn có đảng viên chưa chấp hành nghiêm túc các quy định.

2. Kết quả thi hành Điều lệ Đảng.

Về cơ bản Đảng ủy, các chi bộ, đảng viên đều chấp hành nghiêm túc, tuyệt đối theo Điều lệ Đảng.

Hiện nay đảng viên trẻ và sau xuất ngũ về ở các tổ dân phố đi làm ăn xa nơi cư trú khó có mặt thường xuyên trong sinh hoạt chi bộ; việc phát triển đảng viên và thành lập chi bộ thuộc địa bàn doanh nghiệp tư nhân thực hiện rất khó.

3. Bài học kinh nghiệm

- Thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đảng viên trong Đảng bộ.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Đảng ủy, chi ủy nhất là người đứng đầu.

- Xây dựng quy chế chặt chẽ đúng thẩm quyền và nghiêm túc tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra-giám sát để kịp thời phát hiện những sai sót điều chỉnh, sửa chữa.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Không

2. Với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương.

Quan tâm chế độ Văn phòng Đảng ủy xã phường, thị trấn

3. Kiến nghị, đề xuất khác.

Không

Trên đây là Báo cáo kết quả thi hành Điều lệ Đảng của Đảng ủy phường Phổ Hòa để Ban Thường vụ Thị ủy theo dõi, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Thị ủy (*báo cáo*),
- Cơ quan Tổ chức-Nội vụ thị xã,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.



T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ

Nguyễn Văn Nho

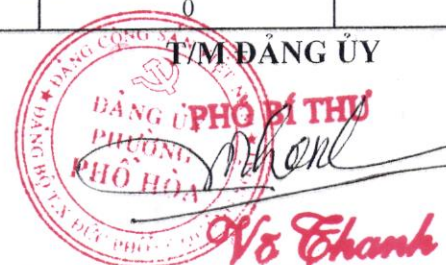
*

THỐNG KÊ ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP

Biểu số 2

| TT | Chỉ tiêu | Giai đoạn | | Ghi chú |
|----------|--|-----------------------|----------------------|---------|
| | | 31/12/2010-31/12/2020 | 01/01/2021-30/6/2023 | |
| 1 | Số lượng | 40 | 10 | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| - | Kết nạp lại | 0 | 0 | |
| - | Phụ nữ | 20 | 7 | |
| - | Dân tộc thiểu số | 0 | 0 | |
| - | Tôn giáo | 0 | 0 | |
| - | Cán bộ, công chức | 3 | | |
| - | Nông dân | | | |
| - | Công dân thường trú ở khu phố | 22 | 4 | |
| - | Công nhân: | 0 | 0 | |
| | + Trong doanh nghiệp Nhà nước | | | |
| | + Trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước | | | |
| - | Người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập | 15 | 6 | |
| - | Sỹ quan, chiến sỹ QĐND | | | |
| - | Sỹ quan, chiến sỹ CAND | | | |
| - | Sinh viên, học sinh | | | |
| 2 | Nguồn giới thiệu | | | |
| | Do ĐTNCSHCM giới thiệu | 22 | 6 | |
| | Do Công đoàn giới thiệu | 9 | 1 | |
| 3 | Tuổi đời | | | |
| | Từ 18 - 30 | 23 | 6 | |
| | Từ 31 - 40 | 14 | 3 | |
| | Từ 41 - 50 | 2 | 1 | |
| | Từ 51 tuổi trở lên | 1 | 0 | |
| | <i>Tuổi bình quân</i> | <i>30,07</i> | <i>29,1</i> | |
| 4 | Trình độ học vấn | | | |
| | Biết đọc, biết viết | | | |
| | Tiểu học | 5 | | |
| | Trung học cơ sở | 2 | 1 | |
| | Trung học phổ thông | 38 | 9 | |
| 5 | Trình độ chuyên môn | | | |
| | Sơ cấp | | | |
| | Trung cấp | 6 | 2 | |
| | Cao đẳng | 9 | 3 | |
| | Đại học | 9 | 6 | |
| | Thạc sỹ | 0 | 0 | |
| | Tiến sỹ | 0 | 0 | |

Người lập biểu



*
**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM ĐẢNG VIÊN
TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2023**

Biểu số 3

| Số TT | Tiêu chí | Tính đến 31/12/2010 | Tính đến 31/12/2020 | Tính đến 30/6/2023 | Ghi chú |
|-------|----------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|---------|
| A | Tổng số đảng viên đầu kỳ | 69 | 121 | 127 | |
| B | Tăng trong kỳ | | 2 | 5 | |
| 1 | Kết nạp | | 2 | 5 | |
| 2 | Phục hồi đảng tịch | | | | |
| C | Giảm trong kỳ | | 11 | 4 | |
| 1 | Từ trần | | 6 | 3 | |
| 2 | Khai trừ | | 1 | 1 | |
| 3 | Xoá tên | | 1 | | |
| | <i>Trong đó: Đảng viên dự bị</i> | | | | |
| 4 | Xin ra khỏi Đảng | | 3 | | |
| D | Tổng số đảng viên cuối kỳ | | | | |

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M ĐẢNG ỦY

PHÓ BÍ THƯ



Vũ Thanh

Phổ Hòa, ngày 19 tháng 4 năm 2023

THÔNG KÊ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

Biểu số 4

| TT | Chỉ tiêu | Thời điểm | | | Ghi chú |
|------------|---|------------|------------|-----------|---------|
| | | 01/01/2011 | 01/01/2021 | 30/6/2023 | |
| I | Số lượng | 72 | 121 | 127 | |
| | <i>Trong đó</i> | | | | |
| 1 | Nữ | 32 | 59 | 51 | |
| 2 | Dự bị | 1 | 5 | 5 | |
| 3 | Dân tộc thiểu số | | | | |
| 4 | Tôn giáo | | | | |
| 5 | Đoàn viên ĐTNCSHCM | 12 | 27 | 34 | |
| 6 | Công nhân | | | | |
| 7 | Nông dân | | | | |
| 8 | Trí thức | | | | |
| 9 | Chủ doanh nghiệp tư nhân | | | | |
| 10 | Trong DN ngoài KV Nhà nước | | | | |
| 11 | Quân nhân xuất ngũ | 3 | 4 | 3 | |
| 12 | Có quốc tịch nước ngoài (nếu có) | | | | |
| 13 | Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài | | | | |
| 14 | Không sinh hoạt thường xuyên do làm ăn xa | | 6 | 6 | |
| 15 | Được miễn công tác và sinh hoạt đảng | 8 | 7 | 7 | |
| | <i>Dưới 70 tuổi</i> | | | | |
| | <i>Từ 70 đến dưới 75 tuổi</i> | | | | |
| | <i>Từ 75 đến dưới 80 tuổi</i> | 1 | 1 | 1 | |
| | <i>Trên 80 tuổi</i> | 7 | 6 | 6 | |
| II | Tuổi đời | | | | |
| 1 | 18 đến 30 tuổi | 7 | 17 | 21 | |
| 2 | 31 đến 40 tuổi | 11 | 31 | 34 | |
| 3 | 41 đến 50 tuổi | 15 | 21 | 23 | |
| 4 | 51 đến 60 tuổi | 22 | 33 | 31 | |
| 5 | 61 tuổi trở lên | 17 | 19 | 18 | |
| 6 | <i>Tuổi bình quân</i> | 51,5 | 56,1 | 59,5 | |
| III | Trình độ học vấn | | | | |
| 1 | Biết chữ Quốc ngữ | | | | |
| 2 | Tiểu học | 18 | 14 | 11 | |
| 3 | Trung học cơ sở | 16 | 12 | 13 | |
| 4 | Trung học phổ thông | 38 | 95 | 103 | |
| IV | Trình độ chuyên môn | | | | |
| | Công nhân kỹ thuật, nhân viên, chưa qua đào tạo | 31 | 23 | 20 | |
| 1 | Trung cấp | 19 | 25 | 25 | |
| 2 | Cao đẳng | 9 | 29 | 30 | |
| 3 | Đại học | 13 | 43 | 51 | |
| 4 | Thạc sỹ | | 1 | 1 | |
| 5 | Tiến sỹ | | | | |
| V | Trình độ lý luận chính trị | | | | |
| 1 | Sơ cấp, chưa qua đào tạo | 54 | 89 | 92 | |

| | | | | | |
|---|------------------|----|----|----|--|
| 2 | Trung cấp | 18 | 31 | 34 | |
| 3 | Cao cấp, cử nhân | | 1 | 1 | |

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)

T/M ĐẢNG ỦY
PHÓ BÍ THƯ



Vo Thanh

THỐNG KÊ CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Biểu số 6

| ST T | Loại hình | Xã | Phường | Thị trấn | Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH | Đơn vị sự nghiệp | | Quân đội | Công an | Doanh nghiệp và hợp tác xã | | | | | | | Ngoài nước | Khác | |
|---------------------------|---|----|--------|----------|---|---------------------|-------------------|-------------|---------|--|--|---|------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|------------------------|---------------|------|---------------|
| | | | | | | Công lập | Ngoài công lập | | | Doanh nghiệp có vốn Nhà nước | | | Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước | | | | | | Hợp tác xã |
| | | | | | | | | | | Nhà nước năm giữ 100% vốn điều lệ | Nhà nước năm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên | Nhà nước năm giữ dưới 50% vốn điều lệ | Công ty Cổ phần | Doanh nghiệp tư nhân | Công ty trách nhiệm hữu hạn | Công ty hợp danh | | | |
| Tính đến 30/6/2023 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đảng bộ cơ sở | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <i>Chia theo số lượng đảng viên</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trong đó | <i>Dưới 30 đảng viên</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <i>Từ 30 đến 49 đảng viên</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <i>Từ 50 đến 99 đảng viên</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <i>Từ 100 đến 149 đảng viên</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <i>Từ 150 đến 199 đảng viên</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <i>Từ 200 đảng viên trở lên</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Chi bộ cơ sở | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở | | 8 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ó | <i>Chi bộ có từ 03 đến 05 đảng viên</i> | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <i>Chi bộ có từ 06 đến 09 đảng viên</i> | | 2 | | | X | | | X | | | | | | | | | | |

| ST T | Loại hình | Xã | Phường | Thị trấn | Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH | Đơn vị sự nghiệp | | Công an | Doanh nghiệp và hợp tác xã | | | | | | Ngoài nước | Khác | | | |
|---------------------|---|---------------------------------|--------|----------|---|---------------------|-------------------|---------|--|--|---|------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|---------------|------|---------------|------------------------|-------------------------------|
| | | | | | | Công lập | Ngoài công lập | | Doanh nghiệp có vốn Nhà nước | | | Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước | | | | | Hợp tác xã | | |
| | | | | | | | | | Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ | Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên | Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ | Công ty Cổ phần | Doanh nghiệp tư nhân | Công ty trách nhiệm hữu hạn | | | | Công ty hợp đanh | DN có vốn nước ngoài |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trong đó | Chi bộ có từ 10 đến dưới 30 đảng viên | | 6 | | | | X | X | | | | | | | | | | | |
| | Chi bộ có từ 30 đến 100 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi bộ có trên 100 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Số chi bộ đồng đảng viên chia thành nhiều tổ đảng | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tính đến 31/12/2020 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trong đó | 1 | Đảng bộ cơ sở | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Chia theo số lượng đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Từ 30 đến 49 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Từ 50 đến 99 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | Từ 100 đến 149 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ 150 đến 199 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ 200 đảng viên trở lên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Chi bộ cơ sở | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi bộ có từ 03 đến 05 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| ST T | Loại hình | Xã | Phường | Thị trấn | Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH | Đơn vị sự nghiệp | | Quân đội | Công an | Doanh nghiệp và hợp tác xã | | | | | | | Ngoài nước | Khác | |
|---------------------|---|----|--------|----------|--|------------------|----------------|----------|---------|-----------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|----------------------|-----------------------------|------------------|------------|------|------------|
| | | | | | | Công lập | Ngoài công lập | | | Doanh nghiệp có vốn Nhà nước | | | Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước | | | | | | Hợp tác xã |
| | | | | | | | | | | Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ | Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên | Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ | Công ty Cổ phần | Doanh nghiệp tư nhân | Công ty trách nhiệm hữu hạn | Công ty hợp danh | | | |
| Trong đó | Chi bộ có từ 06 đến 09 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi bộ có từ 10 đến dưới 30 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi bộ có từ 30 đến 100 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi bộ có trên 100 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Số chi bộ đông đảng viên chia thành nhiều tổ đảng | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tính đến 31/12/2015 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đảng bộ cơ sở | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chia theo số lượng đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Trong đó | Từ 30 đến 49 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ 50 đến 99 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ 100 đến 149 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ 150 đến 199 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ 200 đảng viên trở lên | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Chi bộ cơ sở | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở | | 8 | | | | | | | | | | | | | | | | |

| ST T | Loại hình | Xã | Phường | Thị trấn | Cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH | Đơn vị sự nghiệp | | Quán đội | Công an | Doanh nghiệp và hợp tác xã | | | | | | Ngoài nước | Khác | | | |
|---------|---|----|--------|----------|--|------------------|----------------|----------|---------|-----------------------------------|---|---------------------------------------|------------------------------------|----------------------|-----------------------------|------------|------|------------|------------------|----------------------|
| | | | | | | Công lập | Ngoài công lập | | | Doanh nghiệp có vốn Nhà nước | | | Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước | | | | | Hợp tác xã | | |
| | | | | | | | | | | Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ | Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên | Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ | Công ty Cổ phần | Doanh nghiệp tư nhân | Công ty trách nhiệm hữu hạn | | | | Công ty hợp danh | DN có vốn nước ngoài |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi bộ có từ 03 đến 05 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi bộ có từ 06 đến 09 đảng viên | | | | | | 2 | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi bộ có từ 10 đến dưới 30 đảng viên | | | | | | 6 | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi bộ có từ 30 đến 100 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Chi bộ có trên 100 đảng viên | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Số chi bộ đồng đảng viên chia thành nhiều tổ đảng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

T/M ĐẢNG ỦY



Ngô Thanh

THÔNG KÊ CẤP ỦY CƠ SỞ
Nhiệm kỳ 2010-2015, Nhiệm kỳ 2015-2020 và Nhiệm kỳ 2020-2025

Biểu số 10

| Số TT | Tiêu chí | Ủy viên ban chấp hành | | | Ủy viên ban thường vụ | | | Bí thư | | | Ghi chú |
|----------|-------------------------------------|-----------------------|-----------|-----------|-----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|---------|
| | | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | |
| | TỔNG SỐ | 11 | 12 | 11 | 3 | 4 | 3 | 1 | 1 | 1 | |
| | Trong đó: - Dân tộc thiểu số | | | | | | | | | | |
| | - Tôn giáo | | | | | | | | | | |
| | - Nữ | 3 | 6 | 5 | | 1 | | | | | |
| | - Tái cử | 5 | 8 | 8 | | | 3 | | 1 | 1 | |
| | - Xuất thân là công nhân | | | | | | | | | | |
| | - Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND | | | | | | | | | | |
| | - Bí thư đồng thời là chủ tịch UBND | | | | | | | | | | |
| | - Cán bộ không là người địa phương | | | | | | | | | | |
| 1 | Tuổi đời | | | | | | | | | | |
| | - Từ 18 - 30 tuổi | 1 | 1 | | | | | | | | |
| | - Từ 31 - 35 tuổi | 1 | 5 | 3 | | | | | | | |
| | - Từ 36 - 40 tuổi | | | 2 | | | | | | | |
| | - Từ 41 - 45 tuổi | 2 | 2 | 1 | | 2 | | | | | |
| | - Từ 46 - 50 tuổi | 5 | 3 | 2 | 1 | 1 | 1 | | | | |
| | - Từ 51 - 55 tuổi | 2 | 1 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | | |
| | - Trên 55 tuổi | | | 1 | | | 1 | | | 1 | |

| Số TT | Tiêu chí | Ủy viên ban chấp hành | | | Ủy viên ban thường vụ | | | Bí thư | | | Ghi chú |
|-------|---|-----------------------|-----------|-----------|-----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|---------|
| | | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | 2010-2015 | 2015-2020 | 2020-2025 | |
| | Tuổi bình quân | 44,5 | 40,5 | 43,0 | 52 | 47 | 53 | | | | |
| 2 | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | | | | | | | | | | |
| | - Sơ cấp | | | | | | | | | | |
| | - Trung cấp | 7 | 6 | | 3 | | | 1 | | | |
| | - Cao đẳng | 0 | | | | | | | | | |
| | - Đại học | 4 | 6 | 10 | | 4 | 3 | | 1 | 1 | |
| | - Thạc sỹ | | | 1 | | | | | | | |
| | - Tiến sỹ | | | | | | | | | | |
| 3 | Chức danh khoa học | | | | | | | | | | |
| | - Phó giáo sư | | | | | | | | | | |
| | - Giáo sư | | | | | | | | | | |
| 4 | Trình độ lý luận chính trị | | | | | | | | | | |
| | - Sơ cấp | 1 | 3 | | | 1 | | | | | |
| | - Trung cấp | 10 | 9 | 11 | 3 | 3 | 3 | 1 | 1 | 1 | |
| | - Cao cấp, cử nhân | | | | | | | | | | |
| 5 | Trình độ quản lý nhà nước theo ngạch | | | | | | | | | | |
| | - Chuyên viên (tương đương) | | 14 | 10 | | | | | | | |
| | - Chuyên viên chính (tương đương) | | | | | | | | | | |
| | - Chuyên viên cao cấp (tương đương) | | | | | | | | | | |

Người lập biểu
(số điện thoại liên hệ)



**THÔNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ
VIỆC BỐ TRÍ KIỂM NHIỆM CÁN BỘ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

Biểu số 11

| TT | Tiêu chí | Thời điểm | | | Ghi chú |
|----|--|------------|------------|-----------|---------|
| | | 31/12/2010 | 31/12/2020 | 30/6/2023 | |
| 1 | Số thôn, tổ dân phố | 4 | 4 | 4 | |
| | <i>Trong đó:</i> Số chưa có đảng viên | | | | |
| | Số chưa có tổ chức đảng | | | | |
| | Số chi bộ sinh hoạt ghép | | | | |
| 2 | Bí thư chi bộ | 4 | 4 | 4 | |
| | <i>Trong đó:</i> Số kiêm trưởng thôn, tổ trưởng TDP | | | | |
| | Số kiêm trưởng ban công tác Mặt trận | | | | |
| | Số kiêm cả trưởng thôn, tổ trưởng TDP và trưởng ban công tác Mặt trận | | | | |
| 3 | Trưởng thôn, tổ trưởng TDP | 4 | 4 | 4 | |
| | <i>Trong đó:</i> Số chưa là đảng viên | | | | |

Người lập biểu

T/M ĐẢNG ỦY



Võ Thanh

Red ink smudge

PHO BI THU



Ông Nguyễn Văn Tuấn